

Bản án số: 38 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày 30/7/2020.

V/v tranh chấp hôn nhân, gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán sơ cấp - chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hằng.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Vinh và ông Lê Văn La.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện VKS nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 30/7/2020 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

+ **N đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989 – (Xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Cầu Đá, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Tổ 1, phường C, thành phố Thái N, tỉnh Thái N.

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987 – (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang tập trung cải tạo tại Đội 35, phân trại số I, trại giam Ngọc Lý).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- **Tại đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân gia đình ghi ngày 02/5/2020** và bản tự khai tiếp theo N đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn ngày 12/7/2007, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Thịnh. Nay vợ chồng có 3 con chung.

Vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2018 anh N bị bắt, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tuyên phạt 06 năm tù về tội mua bán người và hiện đang tập trung cải tạo tại Trại Giam Ngọc Lý. Kể từ thời

điểm anh N đi chấp hành án vì do bận con nhỏ nên chị chưa đến thăm anh N được lần nào.

Nay xét không thể chờ đợi được anh N và chị cũng xét thấy không còn tình cảm gì với anh N nên chị thiết tha đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/01/2008, Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Công H, sinh ngày 27/01/2019. Hiện tại cả ba con đều phát triển bình thường, cháu Trạng và cháu Hiếu đang ở với chị còn cháu Quỳnh đang ở với mẹ đẻ của anh N. Nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cả ba con chung, không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ **Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:** Năm 2007, anh và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Thịnh. Sau khi cưới, chị T về nhà anh chung sống, vợ chồng chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau. Đến năm 2018, anh bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù về tội “Mua bán người” và hiện tại anh đang tập trung cải tạo tại Đội 35 phân trại số I, Trại giam Ngọc Lý. Từ khi anh đi chấp hành án phạt tù, chị T không đến thăm anh lần nào. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị T xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/01/2008, Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Công H, sinh ngày 27/01/2019. Hiện tại cả ba con đều phát triển bình thường, con lớn thứ nhất và thứ ba đang ở với chị T còn con thứ hai đang ở với mẹ đẻ của anh. Nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con thứ ba cho chị T nuôi dưỡng, giao con thứ nhất, thứ hai cho gia đình anh nuôi dưỡng do hiện anh đang phải chấp hành án nên không trực tiếp nuôi dưỡng các con được. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ **Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- **Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX:** Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán xác

định đúng mối quan hệ tranh chấp. Việc giao gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho VKS nghiên cứu đầy đủ, đúng quy định; HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- **Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:** N đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa N đơn chị Nguyễn Thị Thu T và bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xin được vắng mặt.

- **Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:**

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Xử giao cho chị T tiếp nuôi cả ba con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/01/2008, Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Công H, sinh ngày 27/01/2019. Chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- **Những yêu cầu, kiến nghị khác:** Không.

XÉT THẤY

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. N nhân mâu thuẫn là do vào khoảng tháng 8 năm 2018, anh N vi phạm pháp luật và hiện tại vẫn đang tập trung cải tạo tại Đội 35, phân trại số I - Trại giam Ngọc Lý. Kể từ thời điểm anh N đi chấp hành án phía chị T không thăm hỏi động viên gì đối với anh N.

Xác minh với chính quyền địa phương xã Quang Thịnh thể hiện năm 2018 sau khi anh N đi chấp hành án phạt 06 năm tù về tội “Mua bán người” thì chị T cũng không còn sinh sống tại địa phương nữa. Mặc dù anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ song hiện anh vẫn phải đang tập trung cải tạo với thời gian dài và phía chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh N không đồng ý đoàn tụ nên mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX xét cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là phù hợp với các Điều 51; Điều 56; Điều 58 luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh N có 03 con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/01/2008, Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Công H,

sinh ngày 27/01/2019. Hiện tại cả ba con đều phát triển bình thường. Phía chị T vẫn mong muốn xin được tiếp tục nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh N hiện vẫn đang tập trung cải tạo nên HĐXX xét cần tiếp tục giao con chung của vợ chồng cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu, phía anh N sau khi hết thời hạn chấp hành hình phạt tù có quyền làm đơn đề nghị Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và có quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, xét là phù hợp Điều 81; Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N đều không đề nghị do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của BLTTDS.

Tại phiên tòa cả N đơn chị Nguyễn Thị Thu T và bị đơn anh Nguyễn Văn N đều vắng mặt, tuy nhiên chị T, anh N đều đã có đơn xin được xét xử vắng mặt và mọi thủ tục giao văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đối với các bên đương sự khi giải quyết vụ án đầy đủ, hợp lệ, đúng pháp luật. Do vậy quyền lợi của các đương sự đã được đảm bảo theo quy định tại Điều 238 BLTTDS.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56 và Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ năm 2015. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2/ Con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thu T tiếp nuôi cả ba con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/01/2008; Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Công H, sinh ngày 27/01/2019. Chị T không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3/ Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu

số AA/2019/0002373 ngày 08/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án vắng mặt hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án;
- UBND xã.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị T